

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-3-2021

*“V/v Xin ly hôn
và cấp dưỡng nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cao
2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Giữ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Em, Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 358/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2020, về việc “Xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị A, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khóm B, phường C, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Thạch D, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khóm B, phường C, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Con chưa thành niên:

1/- Cháu Thạch Thị Mỹ E, sinh ngày 05/9/2006

2/- Cháu Thạch Thị Hồng G, sinh ngày 12/8/2008

Cùng địa chỉ: Khóm B, phường C, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Nguyên đơn bà Thạch Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt nên vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn ông Thạch D và các con chưa thành niên Thạch Thị Mỹ E, Thạch Thị Hồng G đã được Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Thạch Thị A thể hiện:

Bà Thạch Thị A và ông Thạch D kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vào năm 2005. Lúc đầu vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc và có 02 con chung là Thạch Thị Mỹ E, sinh ngày 05/9/2006 và Thạch Thị Hồng G, sinh ngày 12/8/2008. Cách nay khoảng 02 năm thì giữa vợ chồng bà A, ông D bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra những sự việc bất đồng ý kiến nên hạnh phúc gia đình rạn nứt. Nguyên nhân là do ông D không chịu làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình và cùng nuôi con với bà A. Vì nghĩ tình nghĩa vợ chồng và vì con nên bà A đã cố gắng chịu đựng nhưng đến nay thì bà A không thể tiếp tục cam chịu được nữa nên bà A quyết định dứt khoát với ông D và vợ chồng bà A, ông D cũng đã ly thân nhau khoảng 02 năm nay. Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà A được ly hôn với ông Thạch D. Về con chung 02 người là Thạch Thị Mỹ E, sinh ngày 05/9/2006 và Thạch Thị Hồng G, sinh ngày 12/8/2008, bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Thạch D vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

- Con chưa thành niên Thạch Thị Hồng G và Thạch Thị Mỹ E vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện: Con là con của mẹ Thạch Thị A và cha Thạch D. Sau khi cha mẹ ly hôn thì con có nguyện vọng được sống chung với mẹ Thạch Thị A.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Thạch Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Hương được ly hôn với ông Thạch D. Về con chung 02 người là Thạch Thị Mỹ E, sinh ngày 05/9/2006 và Thạch Thị Hồng G, sinh ngày 12/8/2008, bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung bà A khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Thạch D vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Các đương sự đều vắng mặt nên cũng không trực tiếp thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không có đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; 227; 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị A, cho bà Thạch Thị A được ly hôn với ông Thạch D.

Về con chung: 02 người là Thạch Thị Mỹ E, sinh ngày 05/9/2006 và Thạch Thị Hồng G, sinh ngày 12/8/2008, giao cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng, ông Thái không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thạch Thị A khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc bà Thạch Thị A phải nộp án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con”, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Thạch Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Thạch D mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nhưng ông Thái vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử có căn cứ để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị A và ông Thạch D kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vào năm 2005. Do trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn tình cảm được và đã ly thân nhau gần 02 (hai) năm nên bà Ag yêu cầu ly hôn với ông D.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà A, do giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không tiếp tục thể hàn gắn giữa, tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau và đã ly thân nhau thời gian dài nên bà A yêu cầu ly hôn với ông D. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống vợ chồng của bà A, ông D không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của bà A là có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Thạch D vắng mặt cũng đã thể hiện ý chí của ông D không muốn hàn gắn để cùng về tiếp tục chung sống, xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy các con chưa thành niên với bà A và cũng thể hiện ông D đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thạch Thị A, cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

[4] Về con chung: 02 người là Thạch Thị Mỹ E, sinh ngày 05/9/2006 và Thạch Thị Hồng G, sinh ngày 12/8/2008, bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Qua lời khai của các con chưa thành niên cũng đều thể hiện muốn được sống chung với mẹ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: 02 cháu Thạch Thị Mỹ E và Thạch Thị Hồng G hiện nay đang do bà Thạch Thị A nuôi dưỡng và cả 02 cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ nên việc bà A yêu cầu tiếp tục nuôi các con chưa thành niên là hoàn toàn hợp lý, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu tiếp tục nuôi con của bà A, cũng phù hợp với lời đề nghị của vị Kiểm sát viên.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Theo nội dung đơn khởi kiện thì bà Thạch Thị A có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại lời khai ở các phiên hòa giải và trong nội dung đơn xin xét xử vắng mặt đều thể hiện bà A không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là ý chí tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà Thạch Thị A khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Thạch Thị A phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 57; 58 của Luật hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thạch Thị A.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị A được ly hôn với ông Thạch D.

- Về con chung: 02 người là Thạch Thị Mỹ E, sinh ngày 05/9/2006 và Thạch Thị Hồng G, sinh ngày 12/8/2008, giao bà A tiếp tục nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu E và cháu G là được sống chung với mẹ, ông Thái không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thạch Thị A khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

*** Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:** Buộc bà Thạch Thị A phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được căn trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số: 0003840 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, nên bà A không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai báo đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- UBND nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Bích Chi